

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-01-2026.

V/v “*Tranh chấp Ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Chính.

Ông Đoàn Minh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 476/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 688/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 555/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Thị Hiếu T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp G, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Minh T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp G, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

(nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Võ Thị Hiếu T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị Hiếu T trình bày:**

Anh T1 và chị tự nguyện quen biết nhau thông qua mai mối vào năm 2021, nên đã tổ chức lễ cưới và sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2021 (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp), thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng trong quá trình chung sống đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, nên vợ chồng hay cự cãi, đánh đập chị, đuổi chị đi nhiều lần, chị cũng bỏ nhà đi nhiều lần rồi trở về, khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không bỏ được việc nhậu nhẹt và ly thân với anh T1 đến nay được một năm, từ khi chị bỏ đi thì anh T1 không có quan tâm gì đến chị, không kiếm hay liên lạc chị kêu quay về, đến khi Tòa mời thì anh T1 mới xuống nhà chị năn nỉ

mẹ chị nói chị quay về, gặp mẹ chị chứ anh T1 cũng chưa có lần nào gặp chị, chị đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng cũng không thể hàn gắn được, anh T1 vẫn cứ nhậu nhẹt, nhận thấy cuộc hôn nhân này không đạt được mục đích và không thể kéo dài thêm được nữa, nay chị xin ly hôn với anh T1.

Quá trình chung sống anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

* Bị đơn anh Nguyễn Minh T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Hiếu T.

Tại phiên tòa:

Chị T xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh T1 vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị Hiếu T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Minh T1 nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Minh T1 có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Võ Thị Hiếu T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Minh T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Hiếu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Anh chị cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp) vào năm 2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T1 hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, nên vợ chồng hay cự cãi, đánh đập chị, đuổi chị đi nhiều lần, chị cũng bỏ nhà đi nhiều lần rồi trở về, khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không bỏ được việc nhậu nhẹt và ly thân với anh T1 đến nay được một năm. Xét thấy, thời gian sống ly thân đã lâu nhưng anh chị không hàn gắn tình cảm điều đó cho thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh T1 vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có cơ sở.

[3.2] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội

đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Hiếu T.

1. Về tình cảm: Chị Võ Thị Hiếu T được ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Hiếu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001272 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên chị T đã nộp xong.

3. Chị T và anh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.